

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18-07-26

Group C18
Round 5
Board 2

WHITE Saranya dewi Namahari				FED India				RESULT (W) 0			
BLACK Nguyen Binh Vy				FED Vietnam				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bb4	Bb7	41	bxa4	a5			
2	Nf3	e6	22	Bxe7	Qxe7	42	Rb1	Nf6			
3	d4	cxd4	23	Qf2	Rf7	43	Rb5	h4			
4	Nxd4	Nc6	24	Ng4	h5	44	Qf2	Nh5			
5	Nc3	Qc7	25	Nh2	Rc6	45	Qxh4	Nt4			
6	Be3	a6	26	Qe3	Kg7	46	Qg3	Rc5			
7	Bd3	Nf6	27	Rf2	Qc5	47	fxc5	Qxc5			
8	Qe2	d6	28	Qg3	Rf6	48	Qe1	Qb6			
9	O-O	Be7	29	Kxh6	Nxh6	49	Kh2	Qc5			
10	h3	O-O	30	Nf3	Re8	50	Qd2	Kh7			
11	Kh1	b5	31	Nh4	Bc8	51	Bb5	Kg7			
12	Nxc6	Qxc6	32	Rf1	Qc6	52	Bh1	Nc6			
13	Q3	Bb7	33	Nf3	Qd6	53	c3	Qc6			
14	Rac1	Rac8	34	Ng5	Re7	54	Qc2	Nc5			
15	f4	Nd7	35	Qh4	Nc8	55	Bb5	Qf6			
16	Bd4	e5	36	Qf2	Bb6	56	g3	Qf3			
17	Nd5	Bd8	37	Qe2	Rc7	57	Be2	Qxe4			
18	fxe5	dxe5	38	Nxe6	Qxe6	58	Qxe4	Nxe4			
19	Bc3	Qe6	39	b3	Qd6	59	c4	Nc5			
20	Nc3	g6	40	a4	bxa4	60	Bd1	f5			

SIGNATURE (WHITE)

Saranya

SIGNATURE (BLACK)

Vy

SIGNATURE (ARBITER)

[Signature]

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19-07-26

Group G10
Round 5
Board 1

WHITE Saranya				FED Ind				RESULT (W) 0			
BLACK Nguyen Binh Vy				FED VIE				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	h4	Kf6	21	Kc4	Kc6	41					
2	Kg2	g5	22	Kb3	Kxc5	42					
3	Kxg5	Kxg5	23	Kc3	Nd6+	43					
4	Kf3	Kf6	24	Kb3	Kd4	44					
5	Ke3	Ke6	25	Kb2	Kc4	45					
6	Bc2	Nd7	26	Ka3	Nb6	46					
7	Bb1	Nc5	27	Kb2	Nxg4	47					
8	Bc2	Q4	28	Ka3	Nc5	48					
9	Kf4	Kf6	29	Ka2	Kb4	49					
10	g4	Nc6+	30	Kb2	a4	50					
11	Ke3	fxg4	31	Ka2	a3	51					
12	Kxe4	g3	32	Ka1	Kb3	52					
13	Ke3	Ng5	33	Kb1	Nc6	53					
14	c5	g2	34	Ka1	Nc5	54					
15	Kf2	Nf3	35	Kb1	a2+	55					
16	Kg2	Nc1+	36	Kc1	a1=0	56					
17	Kg3	Nxc2	37	Kd2	Qc3+	57					
18	Kf4	Ke6	38	Kd1	Qc2+	58					
19	Ke4	Kd7	39	Ke1	Qc2	59					
20	Kd5	Nb4	40			60					

SIGNATURE (WHITE)

Saranya

SIGNATURE (BLACK)

Vy

SIGNATURE (ARBITER)

[Signature]

19-22
oup
ind
ard
1
0
1
BLACK

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group

Round

Board

RESULT (W)

RESULT (B)

WHITE Saranya Devi Narahari									
BLACK Nguyen Binh Vy									
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	c5	21	b6	Be7	41	Ke	a5	
2	Nf3	e6	22	Be7	Qe7	42	Kb1	Nf6	
3	d4	Qd	23	Qd2	Rc7	43	Rb5	Qf	
4	Nd4	Nc6	24	Ng7	h5	44	Qd2	Nh5	
5	Nc3	Qc7	25	Nh2	Rc6	45	Qh4	Nh4	
6	Be3	a6	26	Qe3	g7	46	Qd3	Rc5	
7	Bd3	Nf6	27	Rf2	Qc5	47	Rc5	Qc5	
8	Qe2	d6	28	Qd3	Nf6	48	Qe1	Qb6	
9	O-O	Be7	29	Qf5	Nf6	49	Qb2	Qc5	
10	h3	O-O	30	Nf3	Rf7	50	Qd2	Ka7	
11	Kf1	b5	31	Nh4	Be7	51	Bd5	Qg2	
12	Nc6	Qc6	32	Rf2	Qc6	52	Kf1	Nb6	
13	a3	Bb7	33	Nf3	Qd6	53	c3	Qc6	
14	Rae1	Rc8	34	Nf5	Rc7	54	Qc1	Nc5	
15	f4	Nd7	35	Qh4	Nf8	55	Bd5	Qf6	
16	Bd4	e5	36	Qf2	Bb6	56	Bd2	Qg3	
17	Nd5	Bd8	37	Qe2	Rc7	57	Bd2	Qc7	
18	f4	de	38	Nc6	Qc6	58	Qe4	Nd4	
19	Bc3	Qc6	39	B5	Qc6	59	c4	Nc5	
20	Nc3	g6	40	a7	Qc6	60	Bd1	f5	
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
Saranya			Vy			Dm			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group

Round

Board

RESULT (W)

RESULT (B)

WHITE Saranya Devi Narahari									
BLACK Nguyen Binh Vy									
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	h4	Qb	21	Kc4	Qc6	41			
2	Ke2	g5	22	Kb3	Qc5	42			
3	Qg	Qf5	23	Kc3	Nd5	43			
4	Kc5	Qf6	24	Kb3	Kd7	44			
5	Qe2	Qc6	25	Kd	Kc9	45			
6	Qe2	Nd7	26	Qa3	Nb6	46			
7	Bb1	Nc5	27	Kb2	Na9	47			
8	Bc2	c4	28	Qa3	Nc5	48			
9	Q4	Q6	29	Ka2	Kb4	49			
10	Q4	Ne6	30	Kb2	a9	50			
11	Qe3	f4	31	Qa2	a3	51			
12	Qe4	Q3	32	Ka1	Kb3	52			
13	Qe3	Nf5	33	Kb1	Ne6	53			
14	c5	g2	34	Ka1	Nd4	54			
15	Qe2	Nf5	35	Kb1	Qc	55			
16	Qe2	Nb1	36	Qc1	a5a	56			
17	Qg3	Nc2	37	Kd2	Qb3	57			
18	Qf4	Qc6	38	Kd1	Qc2	58			
19	Qe4	Kd7	39	Ke1	Qc4#	59			
20	Kd5	Nb4	40			60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
Saranya			Vy			Dm			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19.07

Group G18
Round 5
Board 2

WHITE Kholyavko Mariya				FED KAZ				RESULT (W) 0			
BLACK Ton Nu Quynh Duong				FED VIE				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	g5	Ne4	41	Bb4	Rg5			
2	Nc3	Nc6	22	Qd1	Bd4	42	Rd6	Kf5			
3	Nf3	d6	23	Qd4	Ng3	43	Rd5	Re5			
4	d4	cd	24	Bh3	e5	44	Rd7	Rg3			
5	Nd4	Nf6	25	fe	Nh1	45	Ka2	Re6			
6	Bg5	a6	26	Rh1	Rae8	46	Rh7	g5			
7	Qd2	e6	27	e6	Bc8	47	Bf8	Rh3			
8	O-O-O	Qb6	28	a3	Bc6	48	Rf7	Rf6			
9	f3	Bc7	29	Bc6	Re6	49	Rf6	Kf6			
10	Bc3	Qe7	30	Qd5	Qe5	50					
11	Kb1	b5	31	Qe5	Re5	51					
12	Nc6	Qc6	32	Rh3	Rf1	52					
13	Ne2	Bb7	33	Ka2	Re4	53					
14	Nd4	Qc7	34	h5	Re1	54					
15	Rc1	d5	35	Bd2	Re2	55					
16	Q5	Nd7	36	Rd3	Kf7	56					
17	f4	O-O	37	Kb3	Re5	57					
18	h4	Nc5	38	h6	g6	58					
19	g4	f6	39	Rd6	Ke7	59					
20	ef	Qf6	40	Rd4	Ka8	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19.07.26

Group G18
Round 5
Board 2

WHITE Kholyavko Mariya				FED KAZ				RESULT (W) 0			
BLACK Ton Nu Quynh Duong				FED VIE				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	g5	21	g5	Ke4	41	cb4	u:gs			
2	Nc3	g6	22	Qd1	cd4	42	ud6f	Kf5			
3	Nf3	d6	23	Qd4	Ke3	43	ud5+	ue5			
4	d4	cd	24	ch3	ue5	44	ud7	ug3+			
5	Kd4	Ke6	25	fe	Ke1	45	Ka2	ue6			
6	cg5	g1	26	u:h1	ua08	46	u:h7	g5			
7	Qd2	g6	27	eg	ce8	47	u:h8	u:h3			
8	O-O-O	g6	28	a3	ce6	48	u:h7+	u:h6			
9	f3	ce7	29	ce6+	u:ce6	49	u:h6+	u:h6			
10	Bc3	Qc7	30	Qd5	Qe5	50					
11	Kb1	b5	31	Qe5	u:ce5	51					
12	Nc6	Qc6	32	u:h3	u:h7+	52					
13	Ne2	Bb7	33	Ka2	u:h4	53					
14	Nd4	Qc7	34	h5	u:h1	54					
15	Rc1	d5	35	cd2	u:h2	55					
16	Q5	Nd7	36	ud3	Kf7	56					
17	f4	O-O	37	u:h3	ue5	57					
18	h4	Nc5	38	b6	g6	58					
19	g4	f6	39	ud6	Kf7	59					
20	ef	Qf6	40	ud4	Kf6	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

17:44

Group 678
Round 5



Date 19.07.2026 Board 3

WHITE Orazallina Nursultu				FED KAZ				RESULT (W)			
BLACK Kleymerova Valeri'a				FED RUS				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Ke4	Pe7	41					
2	c4	Kc6	22	b4	Kd4	42					
3	Ke2	e5	23	bc	dc	43					
4	Kbc3	d6	24	Pa5	Ch3	44					
5	g3	g6	25	Ab2	b6	45					
6	Gg2	Gg7	26	Pe1	KPh8	46					
7	0-0	Kge7	27	KPh1	Cd7	47					
8	d3	0-0	28	Kf2	Uag8	48					
9	a3	Ce6	29	Ke4	Ce8	49					
10	Ab1	f5	30	h3	Ch5	50					
11	ef	gf	31	KPh2	Kf5	51					
12	Gg5	Pa7	32	a4	Ke3	52					
13	Pa4	Kg6	33	Uf2	Ph4	53					
14	Kd5	f4	34	Ph1	Ug3	54					
15	f3	h6	35	Kg3	fg	55					
16	Ch4	Kh4	36	KPh1	gf	56					
17	gh	Cf6	37			57					
18	Kf6	Uf6	38			58					
19	Kc3	Lg6	39			59					
20	h5	Ug7	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
								An			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

17:44

Group 678
Round 5



Date 19.07.2026 Board 3

WHITE Orazallina Nursultu				FED KAZ				RESULT (W)			
BLACK Kleymerova Valeri'a				FED RUS				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Ke4	Pe7	41					
2	c4	Kc6	22	b4	Kd4	42					
3	Ke2	e5	23	b.c	d.c	43					
4	Kbc3	d6	24	Pa5	Ch3	44					
5	g3	g6	25	Ab2	b6	45					
6	Gg2	Gg7	26	Pe1	KPh8	46					
7	0-0	Kge7	27	KPh1	Cd7	47					
8	d3	0-0	28	Kf2	Uag8	48					
9	a3	Ce6	29	Ke4	Ce8	49					
10	Ab1	f5	30	h3	Ch5	50					
11	ef	gf	31	KPh2	Kf5	51					
12	Gg5	Pa7	32	a4	Ke3	52					
13	Pa4	Kg6	33	Uf2	Ph4	53					
14	Kd5	f4	34	Ph1	Ug3	54					
15	f3	h6	35	Kg3	fg	55					
16	Ch4	Kh4	36	KPh1	gf	56					
17	gh	Cf6	37			57					
18	Kf6	Uf6	38			58					
19	Kc3	Lg6	39			59					
20	h5	Ug7	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
								An			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.07.19

Group G-18

Round 5

Board 4

WHITE Satarawskaya, Eugeniia				FED RUS		RESULT (W)		1						
BLACK Naranzaya, Zorigoo				FED MGL		RESULT (B)		0						
#	WHITE		BLACK		#	WHITE		BLACK						
1	d4	g0	d5	g0	21	Nc3	g6	Nc3	43					
2	c4	g0	g6	g1	22	Rc3	g6	Be6	43					
3	Nb3	g0	NH	g1	23	a4	40	Bd3	41					
4	cd	g1	ed	g1	24	Rc3	39	g6	38					
5	g5	g1	c6	g2	25	KH	32	Kf7	37					
6	g3	g1	h6	g2	26	Ke2	28	Ke6	32					
7	Bh4	g0	Be7	g2	27	Rb1	18	Kg6	27					
8	Bb3	g8	0-0	g2	28	Nc4	15	Bc4	27					
9	Be2	g8	Re8	g2	29	R1c4	15	g6	25					
10	Nb3	g7	Nb4	g1	30	H4	8	g5	20					
11	Be7	g6	Be7	g2	31	Kd2	4	Rc7	13					
12	Be4	g6	de	g2	32	Rc1	1	Ra8	13					
13	Nd2	g6	Bf5	g1	33	Rg1	0	Bb	12					
14	0-0	g4	Nd7	g1	34	Rc5	0	05	10					
15	B4	73	NH	g1	35	dc1		Rc	10					
16	Ra1	g9	g6	72	36	B5	0	ab	11					
17	Ne2	g3	Nb5	g7	37	ab	1	Ra8	6					
18	Bc5	g4	h5	g6	38	Rd1	6	Ra7	3					
19	Be7	g3	Rc7	g7	39	Kc1	1	Kc7	3					
20	Rc1	g9	H4	g7	40	Kc4	1	Ra2	2					
SIGNATURE (WHITE)					SIGNATURE (BLACK)					SIGNATURE (ARBITER)				
Clan					Zorigoo					DL				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.07.19

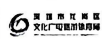
Group G-18

Round 5

Board 4

WHITE				FED		RUS		RESULT (W)		1	
BLACK				FED		MGL		RESULT (B)		0	
Satarawskaya, Eugeniia				Naranzaya, Zorigoo							
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Kb2 0	Rg1 1	21			41					
2	Re5 0	Rg4 0	22			42					
3	Kd2 1	Rg1 0	23			43					
4	Kb4 1	Re1 0	24			44					
5	Kf5 2	Rg1 1	25			45					
6	g3 2	Rg2 1	26			46					
7	Kf3 2	Rd2 1	27			47					
8	g7 1	Rf4 1	28			48					
9	Rb5 2		29			49					
10			30			50					
11			31			51					
12			32			52					
13			33			53					
14			34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Clan				Zaya				DL			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

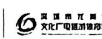


Date 19.07.26

Group G18
Round 5
Board 4

WHITE Satanovskaya, Evgenia				FED BUS				RESULT (W) 1			
BLACK Naranzaya Zorigoo				FED MGL				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	dh	ds	21	hcs	hcs	41	hcs	hcs	61	hcs	hcs
2	ch	es	22	nc3	ces	42	hcs	hcs	62	hcs	hcs
3	hcs	hcs	23	ah	ces	43	hcs	hcs	63	hcs	hcs
4	cd	ed	24	hcs	es	44	hcs	hcs	64	hcs	hcs
5	ces	cs	25	hcs	hcs	45	hcs	hcs	65	hcs	hcs
6	es	hs	26	hcs	hcs	46	hcs	hcs	66	hcs	hcs
7	chh	es	27	hcs	hcs	47	hcs	hcs	67	hcs	hcs
8	cd3	o-o	28	hcs	hcs	48	hcs	hcs	68	hcs	hcs
9	hcs	hcs	29	hcs	hcs	49	hcs	hcs	69	hcs	hcs
10	hcs	hcs	30	hcs	hcs	50	hcs	hcs	70	hcs	hcs
11	ces	hcs	31	hcs	hcs	51	hcs	hcs	71	hcs	hcs
12	ah	de	32	hcs	hcs	52	hcs	hcs	72	hcs	hcs
13	hcs	hcs	33	hcs	hcs	53	hcs	hcs	73	hcs	hcs
14	o-o	hcs	34	hcs	hcs	54	hcs	hcs	74	hcs	hcs
15	hcs	hcs	35	hcs	hcs	55	hcs	hcs	75	hcs	hcs
16	hcs	hcs	36	hcs	hcs	56	hcs	hcs	76	hcs	hcs
17	hcs	hcs	37	hcs	hcs	57	hcs	hcs	77	hcs	hcs
18	hcs	hcs	38	hcs	hcs	58	hcs	hcs	78	hcs	hcs
19	hcs	hcs	39	hcs	hcs	59	hcs	hcs	79	hcs	hcs
20	hcs	hcs	40	hcs	hcs	60	hcs	hcs	80	hcs	hcs
SIGNATURE (WHITE) [Signature]				SIGNATURE (BLACK) [Signature]				SIGNATURE (ARBITER) [Signature]			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19.07.26

Group G18
Round 5
Board 4

WHITE Satanovskaya, Evgenia				FED BUS				RESULT (W) 1			
BLACK Naranzaya Zorigoo				FED MGL				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	hcs	hcs	21			41			61		
2	hcs	hcs	22			42			62		
3	hcs	hcs	23			43			63		
4	hcs	hcs	24			44			64		
5	hcs	hcs	25			45			65		
6	hcs	hcs	26			46			66		
7	hcs	hcs	27			47			67		
8	hcs	hcs	28			48			68		
9	hcs	hcs	29			49			69		
10			30			50			70		
11			31			51			71		
12			32			52			72		
13			33			53			73		
14			34			54			74		
15			35			55			75		
16			36			56			76		
17			37			57			77		
18			38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) [Signature]				SIGNATURE (BLACK) [Signature]				SIGNATURE (ARBITER) [Signature]			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE Alavi Mahsa				FED MGIRI				RESULT (W) 1			
BLACK Emujin Enkh-Angalan				FED MGL				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qc3	Rf8	41					
2	Nf3	Nc6	22	Rc1	Nd7	42					
3	Bb5	a6	23	Qb4	Qc6	43					
4	Ba4	Nf6	24	Bf5	Qc6	44					
5	Qd1	Nxe4	25	Bf4	Nc5	45					
6	d4	b5	26	Rd1	Ne6	46					
7	Bb3	d5	27	Bh6	Rh8	47					
8	h4	Be6	28	Be4	Qc4	48					
9	C3	Be7	29	Qb3	Nd8	49					
10	Nbd2	Nc5	30	Bd5		50					
11	Bc2	d4	31			51					
12	Nb3	d3	32			52					
13	Bb1	Nxb3	33			53					
14	axb3	Qd5	34			54					
15	Qxb3	Rd8	35			55					
16	Qe2	axb3	36			56					
17	Be4	Nb8	37			57					
18	Nd2	Bc1	38			58					
19	Qd4	Rd2	39			59					
20	Rd2	Bxh1	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Alavi				Emujin				Jee			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE Alavi Mahsa				FED IRI				RESULT (W) 1			
BLACK Emujin				FED MGL				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qc3	Rf8	41					
2	Nf3	Nc6	22	Rc1	Nd7	42					
3	Bb5	a6	23	Qb4	Qc6	43					
4	Ba4	Nf6	24	Bf5	Qc6	44					
5	Qd1	Nxe4	25	Bf4	Nc5	45					
6	d4	b5	26	Rd1	Ne6	46					
7	Bb3	d5	27	Bh6	Rh8	47					
8	h4	Be6	28	Be4	Qc4	48					
9	C3	Be7	29	Qb3	Nd8	49					
10	Nbd2	Nc5	30	Bd5		50					
11	Bc2	d4	31			51					
12	Nb3	d3	32			52					
13	Bb1	Nxb3	33			53					
14	axb3	Qd5	34			54					
15	Qxb3	Rd8	35			55					
16	Qe2	axb3	36			56					
17	Be4	Nb8	37			57					
18	Nd2	Bc1	38			58					
19	Qd4	Rd2	39			59					
20	Rd2	Bxh1	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Alavi				Emujin				Jee			

16:50



7

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



1

WHITE			BLACK			FED		vIE		RESULT (A)	
Nguyen Ha Khanh Linh			Nguyen Ngoc Hien					vIE		1/2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	f5	21			41					
2	Nf3	Nf6	22			42					
3	g2	e6	23			43					
4	Bg2	Be7	24			44					
5	c4	0-0	25			45					
6	Ne3	d6	26			46					
7	0-0	Nd4	27			47					
8	Qc2	Nc3	28			48					
9	Qc3	a5	29			49					
10	b3	Bf6	30			50					
11	Bb2	Nc6	31			51					
12	Rad1		32			52					
13			33			53					
14			34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					

SIGNATURE (WHITE)
Linh

SIGNATURE (BLACK)
Hien

SIGNATURE (ARBITER)
Arbiter

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



18:01

WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
#				#				#				#			
1				21				41				61			
2				22				42				62			
3				23				43				63			
4				24				44				64			
5				25				45				65			
6				26				46				66			
7				27				47				67			
8				28				48				68			
9				29				49				69			
10				30				50				70			
11				31				51				71			
12				32				52				72			
13				33				53				73			
14				34				54				74			
15				35				55				75			
16				36				56				76			
17				37				57				77			
18				38				58				78			
19				39				59				79			
20				40				60				80			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



18:01

WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
#				#				#				#			
1				21				41				61			
2				22				42				62			
3				23				43				63			
4				24				44				64			
5				25				45				65			
6				26				46				66			
7				27				47				67			
8				28				48				68			
9				29				49				69			
10				30				50				70			
11				31				51				71			
12				32				52				72			
13				33				53				73			
14				34				54				74			
15				35				55				75			
16				36				56				76			
17				37				57				77			
18				38				58				78			
19				39				59				79			
20				40				60				80			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19.07.2026

Group G18
Round 05
Board 09

WHITE Kostygova Margarita				FED RUS				RESULT (W) 1/2			
BLACK Mai Hieu Linh				FED VIE				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Kxf1	c5	41					
2	Nf3	Nc6	22	Ke2	Rc8	42					
3	Bc4	Bc5	23	Nc4	Rc6	43					
4	d3	h6	24	Nxd6	Rxd6	44					
5	a4	Nf6	25	Rc4	b6	45					
6	a5	a6	26	axb6	Rxb6	46					
7	O-O	Qe6	27	b4	cxb4	47					
8	c3	O-O	28	cxb4	Rb5	48					
9	Be3	Bxe3	29	Kf3	Ke7	49					
10	fxe3	Be6	30	h4	a5	50					
11	Bxe6	fxe6	31	bxa5	Rxa5	51					
12	Nbd2	a5	32	Rb4	Kf6	52					
13	Qc2	dxe4	33	Rf4	Ke7	53					
14	dxe4	Qe8	34	Rb4	Kf6	54					
15	Nc4	Qg6	35	Rf4	Ke7	55					
16	Nxe5	Nxe5	36	Rb4	Kf6	56					
17	Nxe5	Qe4	37	Rf4	Ke7	57					
18	Qxe4	Nxe4	38			58					
19	Ra4	Nd6	39			59					
20	g4	Rxf1	40			60					
SIGNATURE (WHITE) M. Koch				SIGNATURE (BLACK) W				SIGNATURE (ARBITER) Zh			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19.07.26

Group G18
Round 5
Board 9

WHITE Kostygova, Margarita				FED RUS				RESULT (W) 1/2			
BLACK Mai, Hieu Linh				FED VIE				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Kpf1	c5	41					
2	hf3	hc6	22	hpc2	1c8	42					
3	cc4	cc5	23	kc4	1c6	43					
4	d3	h6	24	kd6	1d6	44					
5	q4	hf6	25	1c4	b6	45					
6	q5	q6	26	qb	1b6	46					
7	O-O	d6	27	b4	c6	47					
8	c3	O-O	28	cb	1b5	48					
9	Qe3	Qe3	29	hpf3	hpf7	49					
10	fe	Qe6	30	h4	q5	50					
11	Qe6	fe	31	h2	1q5	51					
12	hbd2	d5	32	1b4	hpf6	52					
13	qpc2	de	33	N4	hpf2	53					
14	de	qpe8	34	1b4	hpf6	54					
15	Kc4	qpg6	35	1f4	hpf2	55					
16	Kce5	he5	36	1b4	hpf6	56					
17	ke5	pe4	37	1f4	hpf2	57					
18	qpe4	ke4	38			58					
19	1q4	kd6	39			59					
20	g4	1f1	40			60					
SIGNATURE (WHITE) M. Koch				SIGNATURE (BLACK) W				SIGNATURE (ARBITER) Zh			

18:45

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group G18
Round 5

Date 7-18 Board 10

WHITE Uranga Gurnubun
BLACK Jiemu Zhiyong
FED MGL RESULT 0-1
FED CHN RESULT 0-1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e5	21	fe	Bg6	41	ay	mf7
2	Nc3	d6	22	2b3	Eb6	42	gs	qab6
3	g3	f5	23	Nc2	Nc7	43	ady	h5
4	Bg2	Nf6	24	ed	Bxc2	44	hy	gh
5	Nf3	be7	25	Oxc2	Bxc4	45	am	mjr
6	o-o	c6	26	ky1	Nc4	46	ky1	kl6
7	dr	o-o	27	Rxf8	Rd7	47	Nc4	des
8	em	Na6	28	Nu7	Re8	48	Rd7	de3
9	ef	Bxb8	29	Qa2	Nb8	49	ku1	a e3
10	dy	Ac7	30	dr	Bxb2	50	ken	der
11	ur	h6	31	Nu7	Nf6	51		
12	Qer	ey	32	Re7	RxR	52		
13	Ne1	aRe8	33	Qar	Qa7	53		
14	by	Bd8	34	Qer	Qd6	54		
15	Bf4	g5	35	Qf4	kg7	55		
16	Bc1	Qg7	36	Nc4	Qe7	56		
17	Bb2	Bg4	37	Ne5	Qe7	57		
18	Qc2	ds	38	Nc7	Nd6	58		
19	cd	cd	39	Qf2	b6	59		
20	f3	Bh5	40	ur	Qe7	60		

SIGNATURE (WHITE)

SIGNATURE (BLACK)

SIGNATURE (ARBITER)

18:45

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group G18
Round 5

Date 7-19 Board 10

WHITE Urangoo Gurnanbaatar
BLACK Zhang Jiemu
FED MGL RESULT 0
FED CHN RESULT 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e5	21	fe	Bg6	41	ay	mf7
2	Nc3	d6	22	Qb3	Bb6	42	gs	qab6
3	g3	f5	23	Nc2	Nc7	43	Qd1	h5
4	Bg2	Nf6	24	de	Re2	44	hy	gh
5	Nf3	Be7	25	Qc2	Bc4	45	Qd1	h5
6	o-o	c6	26	Ku4	Nc4	46	Qd1	h5
7	d3	o-o	27	Rd3	Rd3	47	Kg4	h5
8	e4	Na6	28	Nd1	Rd3	48	Nd1	h5
9	ef	Bxb8	29	Qd2	Nb8	49	Rd1	h5
10	dy	Ac7	30	h3	Rd2	50	Ku4	h5
11	az	h6	31	Nb2	Rd2	51	Kg1	h5
12	ey	e4	32	Re1	Re1	52		
13	Ne1	Rd2	33	Rd1	Qd1	53		
14	h1	Bd8	34	Rd5	Qd6	54		
15	Rd1	g5	35	Rd5	Qd6	55		
16	Re1	Qg7	36	Nc4	Qd6	56		
17	Bd2	Bg4	37	Nb2	Qd6	57		
18	Qc2	ds	38	Nd3	Nd6	58		
19	cd	cd	39	Qd7	h5	59		
20	f3	Bh5	40	Ku4	Qd7	60		

SIGNATURE (WHITE)

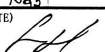
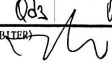
SIGNATURE (BLACK)

SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE				FED				RUS				RESULT (W)			
Kiryanova Svetlana															
BLACK				FED				UZB				RESULT (B)			
Mansurova Mumtoz begim															
#	WHITE		BLACK		#	WHITE		BLACK		#	WHITE		BLACK		
1	d4		Nb6		21	Rd1		h5		41	Bc4		Qf4		
2		c4		e6	22		Re5		h4	42		Kh1		Qc7	
3	Nc3		Bb4		23	h3		Kh8		43	Ba6		Qf4		
4		e3		c5	24		Qe2		Nc7	44		Qc3		Ba8	
5	Bd3		Nc6		25	Bb5		Qd7		45	Rd3		Ag5		
6		Nge2		cd	26		Be1		Rh6	46		Qc2		Qf4	
7	ed		d5		27	Qd2		Qf7		47	Qd1		Rd7		
8		cd		Nd5	28		Qg5		Rf8	48		Bd2		Qg3	
9	O-O		O-O		29	Kh2		Rh5		49	Qf1		Bd5		
10		as		Bd6	30		Qe2		Bd5	50		Be1		Qg5	
11	Ne4		h6		31	Bc2		Qf6		51	Rc3		Rd8		
12		Nd6		Qd6	32		Rc1		Ne8	52		Qf2		kg8	
13	Bce		h6		33	Bd3		Nd6		53	Rc7		Nb3		
14		Qd3		f5	34		Be2		Rh6	54		Rc2		Bd5	
15	Re1		Bb7		35	Qb5		Rd8		55	Rc7		Qf5		
16		Bb3		Nce7	36		Rc7		Nf7	56		Rc2		Qg3	
17	Bd2		Rf6		37	Re3		Qg5		57	Qf1		Qf5		
18		Nc5		Rg6	38		Qc3		Rg6	58		Qf2		Qg3	
19	f3		Rd8		39	Qf1		Nd6		59	Bd2		Qd6		
20		Nd5		Nd5	40		Qd2		Nc4	60		Qd3		Qd2	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
															

19:22

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE		Kiryanova Svetlana		FED		RUS		8.09.26		RESULT (W)		0		
BLACK		Mansurova Mumtoz begim		FED		UZB				RESULT (B)		/		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Bd1	Rg6	21	g4	f9	41								
2	Bh4	Rf8	22		g4	Rh6								
3	Qe2	Bb3	23	kg3	Rh1	43								
4	Rd2	Qe7	24		Bh3	Qd3								
5	Qd3	Qc1	25											
6	Kh2	Bb5	26											
7	Bf2	Rf7	27											
8	Rg3	Kh7	28											
9	f4	Re7	29											
10	Qe2	Qa1	30											
11	Rc2	Rc2	31											
12	Qc2	Rc4	32											
13	Qe2	Qc1	33											
14	b4	Qg8	34											
15	Qh5	Rh6	35											
16	Qe2	Qb6	36											
17	Bf2	Qc3	37											
18	Bb5	Qc2	38											
19	Qb3	Rg6	39											
20	Bf1	as	40											
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)						

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



18:37

Group 618
Round 5
Date
Board 12

WHITE <i>Alwis, Candeth</i>				FED				RESULT (W)			
BLACK <i>Deimora</i>				FED				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	c6	21	h4	Re5	41	Nxf4	Re5	41	Nxf4	Re5
2	d4	d5	22	Re5	Re5	42	Re5	Re5	42	Re5	Re5
3	Nc3	de	23	Re2	f6	43	Re2	f6	43	Re2	f6
4	Nc4	h4	24	Re4	Re4	44	Re4	Re4	44	Re4	Re4
5	Re4	ef	25	Re4	Re4	45	Re4	Re4	45	Re4	Re4
6	Re4	Re4	26	Re4	Re4	46	Re4	Re4	46	Re4	Re4
7	Re4	Re4	27	Re4	Re4	47	Re4	Re4	47	Re4	Re4
8	Re4	Re4	28	Re4	Re4	48	Re4	Re4	48	Re4	Re4
9	Re4	Re4	29	Re4	Re4	49	Re4	Re4	49	Re4	Re4
10	Re4	Re4	30	Re4	Re4	50	Re4	Re4	50	Re4	Re4
11	Re4	Re4	31	Re4	Re4	51	Re4	Re4	51	Re4	Re4
12	Re4	Re4	32	Re4	Re4	52	Re4	Re4	52	Re4	Re4
13	Re4	Re4	33	Re4	Re4	53	Re4	Re4	53	Re4	Re4
14	Re4	Re4	34	Re4	Re4	54	Re4	Re4	54	Re4	Re4
15	Re4	Re4	35	Re4	Re4	55	Re4	Re4	55	Re4	Re4
16	Re4	Re4	36	Re4	Re4	56	Re4	Re4	56	Re4	Re4
17	Re4	Re4	37	Re4	Re4	57	Re4	Re4	57	Re4	Re4
18	Re4	Re4	38	Re4	Re4	58	Re4	Re4	58	Re4	Re4
19	Re4	Re4	39	Re4	Re4	59	Re4	Re4	59	Re4	Re4
20	Re4	Re4	40	Re4	Re4	60	Re4	Re4	60	Re4	Re4
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



18:39

Group 618
Round 05
Date
Board 12

WHITE <i>Kusalya Alwis</i>				FED				RESULT (W)			
BLACK <i>Deimora</i>				FED				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	c6	21	Nxf4	Re5	41	Nxf4	Re5	41	Nxf4	Re5
2	d4	d5	22	Re5	Re5	42	Re5	Re5	42	Re5	Re5
3	Nc3	de	23	Re2	f6	43	Re2	f6	43	Re2	f6
4	Nc4	h4	24	Re4	Re4	44	Re4	Re4	44	Re4	Re4
5	Re4	ef	25	Re4	Re4	45	Re4	Re4	45	Re4	Re4
6	Re4	Re4	26	Re4	Re4	46	Re4	Re4	46	Re4	Re4
7	Re4	Re4	27	Re4	Re4	47	Re4	Re4	47	Re4	Re4
8	Re4	Re4	28	Re4	Re4	48	Re4	Re4	48	Re4	Re4
9	Re4	Re4	29	Re4	Re4	49	Re4	Re4	49	Re4	Re4
10	Re4	Re4	30	Re4	Re4	50	Re4	Re4	50	Re4	Re4
11	Re4	Re4	31	Re4	Re4	51	Re4	Re4	51	Re4	Re4
12	Re4	Re4	32	Re4	Re4	52	Re4	Re4	52	Re4	Re4
13	Re4	Re4	33	Re4	Re4	53	Re4	Re4	53	Re4	Re4
14	Re4	Re4	34	Re4	Re4	54	Re4	Re4	54	Re4	Re4
15	Re4	Re4	35	Re4	Re4	55	Re4	Re4	55	Re4	Re4
16	Re4	Re4	36	Re4	Re4	56	Re4	Re4	56	Re4	Re4
17	Re4	Re4	37	Re4	Re4	57	Re4	Re4	57	Re4	Re4
18	Re4	Re4	38	Re4	Re4	58	Re4	Re4	58	Re4	Re4
19	Re4	Re4	39	Re4	Re4	59	Re4	Re4	59	Re4	Re4
20	Re4	Re4	40	Re4	Re4	60	Re4	Re4	60	Re4	Re4
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group *B18*
Round *5*
Date *19.07*
Board *13*

WHITE				BLACK				FED				RESULT (W)			
<i>Sagynbekova, A</i>				<i>Pi Aiying</i>				<i>KGZ</i>				<i>0</i>			
BLACK				WHITE				FED				RESULT (B)			
<i>Pi Aiying</i>				<i>CHN</i>				<i>CHN</i>				<i>1</i>			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	<i>e4</i>	<i>c5</i>	21	<i>Re3</i>	<i>Re7</i>	41	<i>g4</i>	<i>f5</i>							
2	<i>Nf3</i>	<i>e6</i>	22	<i>dac1</i>	<i>Re4</i>	42	<i>f5</i>	<i>Re8</i>							
3	<i>d4</i>	<i>c:d</i>	23	<i>Re2</i>	<i>a5</i>	43	<i>Re3</i>	<i>Nd13</i>							
4	<i>N:d4</i>	<i>Nc6</i>	24	<i>b4</i>	<i>a:b</i>	44	<i>Nc2</i>	<i>e:d13</i>							
5	<i>Nc3</i>	<i>Re7</i>	25	<i>a:b</i>	<i>Nd4</i>	45	<i>Re2</i>	<i>Re7</i>							
6	<i>g3</i>	<i>Nf6</i>	26	<i>Nc2</i>	<i>Re8</i>	46	<i>g:L</i>	<i>Re5</i>							
7	<i>Cg2</i>	<i>Re7</i>	27	<i>Nd1</i>	<i>b6</i>	47	<i>Re1</i>	<i>Re5</i>							
8	<i>O-O</i>	<i>O-O</i>	28	<i>Re2</i>	<i>Cd6</i>	48	<i>Re2</i>	<i>e:L</i>							
9	<i>Re3</i>	<i>a6</i>	29	<i>L3</i>	<i>Re3</i>	49	<i>Nb2</i>	<i>Re5</i>							
10	<i>a3</i>	<i>Re5</i>	30	<i>Cg1</i>	<i>Re7</i>	50	<i>Re1</i>	<i>Re5</i>							
11	<i>Cf4</i>	<i>d6</i>	31	<i>Re2</i>	<i>Re8</i>	51	<i>Re2</i>	<i>C:d3</i>							
12	<i>C:e5</i>	<i>d:e</i>	32	<i>N:c4</i>	<i>b:c</i>	52	<i>C:d3</i>	<i>N:L3</i>							
13	<i>Nf3</i>	<i>b5</i>	33	<i>Re5</i>	<i>C:c5</i>	53	<i>Re3</i>	<i>Re5</i>							
14	<i>Re2</i>	<i>Cb7</i>	34	<i>b:c</i>	<i>N:e4</i>	54	<i>Re3</i>	<i>Re2</i>							
15	<i>N3</i>	<i>Nc8</i>	35	<i>N:c4</i>	<i>N:c4</i>	55	<i>Re3</i>	<i>L5</i>							
16	<i>Re1</i>	<i>Re7</i>	36	<i>N:c4</i>	<i>Re8</i>	56	<i>Re1</i>								
17	<i>Re1</i>	<i>Nd7</i>	37	<i>Re2</i>	<i>Nd1</i>	57									
18	<i>b4</i>	<i>Nb6</i>	38	<i>Nb2</i>	<i>Cb6</i>	58									
19	<i>Nb2</i>	<i>Re3</i>	39	<i>Re2</i>	<i>Re5</i>	59									
20	<i>Re3</i>	<i>Ob:c2</i>	40	<i>Re2</i>	<i>Re5</i>	60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
<i>[Signature]</i>				<i>Pi</i>				<i>[Signature]</i>							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group *B18*
Round *5*
Date *19.07*
Board *13*

WHITE				BLACK				FED				RESULT (W)			
<i>Sagynbekova, Alsu (1755)</i>				<i>Pi Aiying (1919)</i>				<i>KGZ</i>				<i>0</i>			
BLACK				WHITE				FED				RESULT (B)			
<i>Pi Aiying (1919)</i>				<i>CHN</i>				<i>CHN</i>				<i>1</i>			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	<i>e4</i>	<i>c5</i>	21	<i>Re3</i>	<i>Re7</i>	41	<i>g4</i>	<i>f5</i>							
2	<i>Nf3</i>	<i>e6</i>	22	<i>Re1</i>	<i>Nc4</i>	42	<i>Re1</i>	<i>Re8</i>							
3	<i>d4</i>	<i>Cxd4</i>	23	<i>Re2</i>	<i>a5</i>	43	<i>Re3</i>	<i>Re8</i>							
4	<i>Nxd4</i>	<i>Nc6</i>	24	<i>Re2</i>	<i>axb4</i>	44	<i>Re2</i>	<i>Re8</i>							
5	<i>Nc3</i>	<i>Re7</i>	25	<i>axb4</i>	<i>Re4</i>	45	<i>Re2</i>	<i>Re8</i>							
6	<i>g3</i>	<i>Nf6</i>	26	<i>Re2</i>	<i>Re8</i>	46	<i>Re2</i>	<i>Re8</i>							
7	<i>Re2</i>	<i>Re7</i>	27	<i>Re1</i>	<i>b6</i>	47	<i>Re2</i>	<i>Re8</i>							
8	<i>O-O</i>	<i>O-O</i>	28	<i>Re2</i>	<i>Re8</i>	48	<i>Re2</i>	<i>Re8</i>							
9	<i>Re3</i>	<i>a6</i>	29	<i>Re2</i>	<i>Re8</i>	49	<i>Re2</i>	<i>Re8</i>							
10	<i>a3</i>	<i>Re5</i>	30	<i>Re2</i>	<i>Re8</i>	50	<i>Re2</i>	<i>Re8</i>							
11	<i>Re1</i>	<i>d6</i>	31	<i>Re2</i>	<i>Re8</i>	51	<i>Re2</i>	<i>Re8</i>							
12	<i>Re5</i>	<i>dxe5</i>	32	<i>Re2</i>	<i>Re8</i>	52	<i>Re2</i>	<i>Re8</i>							
13	<i>Nf3</i>	<i>b5</i>	33	<i>Re2</i>	<i>Re8</i>	53	<i>Re2</i>	<i>Re8</i>							
14	<i>Re2</i>	<i>Bb7</i>	34	<i>Re2</i>	<i>Re8</i>	54	<i>Re2</i>	<i>Re8</i>							
15	<i>N3</i>	<i>Nc8</i>	35	<i>Re2</i>	<i>Re8</i>	55	<i>Re2</i>	<i>Re8</i>							
16	<i>Re1</i>	<i>Re7</i>	36	<i>Re2</i>	<i>Re8</i>	56	<i>Re2</i>	<i>Re8</i>							
17	<i>Re1</i>	<i>Nd7</i>	37	<i>Re2</i>	<i>Re8</i>	57	<i>Re2</i>	<i>Re8</i>							
18	<i>b4</i>	<i>Nb6</i>	38	<i>Re2</i>	<i>Re8</i>	58	<i>Re2</i>	<i>Re8</i>							
19	<i>Nb2</i>	<i>Re3</i>	39	<i>Re2</i>	<i>Re8</i>	59	<i>Re2</i>	<i>Re8</i>							
20	<i>Re3</i>	<i>Ob:c2</i>	40	<i>Re2</i>	<i>Re8</i>	60	<i>Re2</i>	<i>Re8</i>							
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
<i>[Signature]</i>				<i>Pi</i>				<i>[Signature]</i>							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.07.13

Group G18
Round 5

WHITE				BLACK				FED				RESULT (W)			
Turner, Anya				Parr, Hannah				NZL				KOR			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	e6	21	Be3	Bd7	41	Be4	b6							
2	d4	d5	22	Nd4	Qc8	42	Bb7	f5							
3	Nd2	c5	23	f4	ef	43	B...a	h7							
4	ed	Qd5	24	Qd7	Qc7	44	Be2	h6							
5	Nxf3	cd	25	Rade	Bg3	45	B...f6	e4							
6	Bc4	Qd6	26	Bf2	B...e4	46	K...e3	h7							
7	O-O	Nf6	27	R...8	R...8	47	bu	K...a5							
8	Nb3	Nc6	28	Re1	R...e5	48	h...5	g4							
9	Nb:d4	N:d4	29	B...d4	Q...e5	49	h...5	K...b							
10	N:d4	a6	30	N...e2	B...c6	50	a6	K...b							
11	c3	Qc7	31	Q...f4	Q...e2	51	B...5	h5							
12	Bb3	Bd6	32	Q...e2	B...g2	52	c4	g4							
13	h3	O-O	33	K...g2	Q...d4	53	h...g	f9							
14	Q...c3	e5	34	K...g2	Q...g6	54	c5	K...a7							
15	Nc2	Bd7	35	B...g3	Q...e4	55	g6	K...h							
16	N...e3	Bc6	36	B...e	Q...e3	56	K...s2	h4							
17	Q...e2	e4	37	B...e2	h6	57	K...h2	g3							
18	Re1	R...e8	38	B...d4	N...h5	58	K...e2								
19	N...g5	B...h7	39	Q...e3	Q...e5	59									
20	K...h1	B...e5	40	B...e5	g5	60									

SIGNATURE (WHITE)

SIGNATURE (BLACK)

SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19 July

Group G18
Round 5

WHITE				BLACK				FED				RESULT (W)			
THURNER, Anya				PARR, Hannah				NZL				KOR			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	c6	21	Be3	Be2	41	Be4	g6							
2	d4	d5	22	Nd4	Qc8	42	Bg7	a5							
3	Nd2	c5	23	f4	ef	43	Bh6	1cf7							
4	ed	Qxd5	24	Qxf3	Qc7	44	Be2	Nf6							
5	Nxf3	cd	25	Rxd1	Bg7	45	Bxf6	Kxf6							
6	Bc4	Qd6	26	Rf2	Rf5	46	h4	Ker							
7	O-O	Nf6	27	Rxe8	Rxe8	47	g4	Kc5							
8	Nb3	Nc6	28	Re1	Rxe1	48	h5	Kag4							
9	Nbxd4	Nxd4	29	Bxe1	Qd5	49	gh	Kc5							
10	Nxd4	ab	30	Ne2	Bc6	50	h6	Kc5							
11	c3	Qc7	31	Qxf4	Qxe2	51	Bg5	af							
12	Bb3	Bd6	32	Qf2	Bg2	52	cd	g4							
13	h3	O-O	33	Kg2	Qe4	53	h...g	fg							
14	Qf3	e5	34	Kg1	Qg6	54	As7	Kh2							
15	Nc2	Bd7	35	Qg3	Qe4	55	A6	Kc5							
16	Ne3	Bcb	36	Bc2	Qd8	56	Kg2	h4							
17	Qe7	e4	37	Bf2	h6	57	Kh2	g7							
18	Re1	Nf8	38	Bd4	Nf5	58	Kg2								
19	Nf5	Bh7	39	Qe5	B...e7	59									
20	Kh1	Be5	40	B...e5	g4	60									

SIGNATURE (WHITE)

SIGNATURE (BLACK)

SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19/7/26

Group G18
Round 5

Board 15

WHITE Tsai, Sophie Yi-Hsuan			FED TPE			RESULT (W) 1		
BLACK Lee Xia Sean			FED MAS			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Kf1	Rf8	41	Ka2	Bg8
2	Nf3	Nc6	22	Ke2	Be8	42	Ne2	Qe8
3	Be4	Bc5	23	Kd2	Nd7	43	g2	f3
4	c3	Nf6	24	Kc1	Nc5	44	Nxg2	Bf7
5	d3	d6	25	Bc2	Bh4	45	Nf5	Kg8
6	a4	a5	26	Rh1	Ng5	46	Rg1	Nxh5
7	Qb3	O-O	27	Nc3	Qf6	47	Rch5	Bxh5
8	O-O	h6	28	h5	Nh7	48	Kxg7	Kf8
9	h3	Nh5	29	Kb2	Rf7	49	Qxh6	
10	Qd1	Nf6	30	Qe2	Nf8	50		
11	Re1	Kh8	31	Rh2	Ng6	51		
12	d4	Bb6	32	Rah1	Nf7	52		
13	Bb5	Bd7	33	Bd1	Ra6	53		
14	b3	Re8	34	Qd2	Nfd7	54		
15	d5	Ne7	35	Ng5	Bg6	55		
16	Bc4	Nh2	36	Nxf7	Qxf7	56		
17	Be3	Nfc8	37	Be2	Nf8	57		
18	Bxb6	Nxb6	38	f3	Nd7	58		
19	Bd3	f5	39	h5	Bh7	59		
20	c4	f4	40	Rh3	Nf6	60		
SIGNATURE (WHITE) <i>Sophie</i>			SIGNATURE (BLACK) <i>Lee</i>			SIGNATURE (ARBITER) <i>Arbiter</i>		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7/17/2026

Group G18
Round 5

Board 15

WHITE Tsai, Sophie Yi-Hsuan				FED TPE		RESULT (W) 1		
BLACK Lee, Xia Sean				FED MAS		RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Kf1	Rf8	41	Ka2	Bg8
2	Nf3	Nc6	22	Ke2	Be8	42	Ne2	Rf8 Qe8
3	Bc4	Bc5	23	Kd2	Nd7	43	g3	f3
4	c3	Nf6	24	Kc1	Nc5	44	Nxg3	Bf7
5	d3	d6	25	Bc2	Bh5	45	Nf5	Kg8
6	a4	a5	26	Rh1	Ng5	46	Rj1	Nxh5
7	Qb3	O-O	27	Ne3	Qf6	47	Rxh5	Bxh5
8	O-O	h6	28	h4	Nh7	48	Ra5+	Ke8
9	h3	Nh5	29	Kb2	Rf7	49	Qxh6	
10	Qd1	Nf6	30	Qe2	Nf8	50		
11	Re1	Kh8	31	Rh2	Ng6	51		
12	d4	Bb6	32	Rnh1	Nf8	52		
13	Bb5	Bd7	33	Bd1	Ra6	53		
14	b3	Re8	34	Qd2	Nfd7	54		
15	d5	Ne7	35	Ng5	Bg6	55		
16	Bc4	Nh7	36	Nxf7	Qxf7	56		
17	Be3	Nc8	37	Bc2	Nf6	57		
18	Bxb6	Nxb6	38	f3	Nfd7	58		
19	Bd3	f5	39	h5	Bh7	59		
20	c4	f4	40	Rh3	Nf6	60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
Sean			G			Arbiter		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19.07.26

Group G18
Round 5

Board 16

WHITE Tolibova, Dilola				FED TJK				RESULT (W) 1			
BLACK Mukanova, Raiana				FED KAZ				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	g4	h3	41	g2+	h3	61	g2+	h3
2	nf3	kc6	22	h3	ce6	42	e7	h3	62	h3	h3
3	d4	c:d4	23	0-0-0	c:e5	43	h2+	h3	63	h3	h3
4	k:d4	d6	24	h3	0-0-0	44	h3	h3	64	h3	h3
5	kc3	h3	25	h3	h3	45	h3	h3	65	h3	h3
6	ce3	ed7	26	cd4	h3	46	h3	h3	66	h3	h3
7	f3	a6	27	h3	c:g5	47	h3	h3	67	h3	h3
8	h2	e6	28	h3	f6	48	h3	h3	68	h3	h3
9	ce2	ce7	29	h3	f:g5	49	h3	h3	69	h3	h3
10	g4	b5	30	h3	h3	50	h3	h3	70	h3	h3
11	a3	h3	31	h3	h3	51	h3	h3	71	h3	h3
12	g5	h3	32	h3	h3	52	h3	h3	72	h3	h3
13	h4	g6	33	h3	h3	53	h3	h3	73	h3	h3
14	c:h5	g:h5	34	h3	h3	54	h3	h3	74	h3	h3
15	h2	k:d4	35	h3	h3	55	h3	h3	75	h3	h3
16	c:d4	e5	36	h3	h3	56	h3	h3	76	h3	h3
17	kd5	h3	37	h3	h3	57	h3	h3	77	h3	h3
18	cc3	cg4	38	h3	h3	58	h3	h3	78	h3	h3
19	h3	h3	39	h3	h3	59	h3	h3	79	h3	h3
20	h3	h3	40	h3	h3	60	h3	h3	80	h3	h3
SIGNATURE (WHITE) [Signature]				SIGNATURE (BLACK) [Signature]				SIGNATURE (ARBITER) [Signature]			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19.07.26

Group G18
Round 5

Board 16

WHITE Tolibova D				FED TJK				RESULT (W) 1			
BLACK Mukanova R				FED KAZ				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	h3	h3	41	h3	h3	61	h3	h3
2	h3	h3	22	h3	h3	42	h3	h3	62	h3	h3
3	d4	cd	23	0-0-0	cd5	43	h3	h3	63	h3	h3
4	kd4	d6	24	h3	0-0-0	44	h3	h3	64	h3	h3
5	kc3	h3	25	h3	h3	45	h3	h3	65	h3	h3
6	cd3	cd7	26	cd4	h3	46	h3	h3	66	h3	h3
7	f3	a6	27	h3	h3	47	h3	h3	67	h3	h3
8	h2	e6	28	h3	h3	48	h3	h3	68	h3	h3
9	ce2	ce7	29	h3	h3	49	h3	h3	69	h3	h3
10	g4	b5	30	h3	h3	50	h3	h3	70	h3	h3
11	a3	h3	31	h3	h3	51	h3	h3	71	h3	h3
12	g5	h3	32	h3	h3	52	h3	h3	72	h3	h3
13	h4	g6	33	h3	h3	53	h3	h3	73	h3	h3
14	c:h5	g:h5	34	h3	h3	54	h3	h3	74	h3	h3
15	h2	k:d4	35	h3	h3	55	h3	h3	75	h3	h3
16	c:d4	e5	36	h3	h3	56	h3	h3	76	h3	h3
17	kd5	h3	37	h3	h3	57	h3	h3	77	h3	h3
18	cc3	cg4	38	h3	h3	58	h3	h3	78	h3	h3
19	h3	h3	39	h3	h3	59	h3	h3	79	h3	h3
20	h3	h3	40	h3	h3	60	h3	h3	80	h3	h3
SIGNATURE (WHITE) [Signature]				SIGNATURE (BLACK) [Signature]				SIGNATURE (ARBITER) [Signature]			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group
U18

Round
5

Date
19.07

Board
17

WHITE Hudimova Sofia				FED 1591	RESULT (W)	0		
BLACK Devaraja Dabamsa Punsak				FED 1591	RESULT (B)	1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e5	21	Rg4	Rxg4	41	b3	Nb5
2	Nf3	Nc6	22	Qxg4	Bf8	42	Re1	Nd2+
3	Bc4	Bc2	23	Kg2	Rf4	43	Ka1	Kd3
4	d3	Nf6	24	Qe2	Ng5	44	Rf1	Nc6
5	Nc3	0-0	25	Nh5	Rh4	45	d4	Ng4
6	0-0	d6	26	Nxg5	Nxh3	46	Nxg5	fxe3
7	h3	h6	27	Qf3	Qxf3	47	Rf4	Kg7
8	Bc3	Na4	28	Kc3	Nf5	48	Rc3	ex
9	Rb3	Nxb3	29	Kc4	Nh5	49		
10	axb	h6	30	Kd5	Ng7	50		
11	Ne2	Nh2	31	Nf4	exf4	51		
12	Ng3	f5	32	Nf4	c6+	52		
13	exf	Bxf5	33	Kd4	Ne6+	53		
14	Qd2	Bxh3	34	Kc3	Ne6+ d5	54		
15	Bxh3	Rxf3	35	Nf4	Bg7	55		
16	Bxh6	gxh	36	Kd2	b4	56		
17	Qxh6	Qf8	37	Rd4	Nd1	57		
18	Qe6+	Rd4	38	Rh2+	Kb1	58		
19	Ra4	Qf3	39	Bc3	Kc1	59		
20	Bc	Rg	40	Kb1	Ud4	60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
								

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group
U18G

Round
05

Date
19.07.26

Board
16.7

WHITE Hudimova Sofia				FED JPN		RESULT (W) 0		
BLACK Dabamsa Devaraja				FED SRI		RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Rg4.	Rxg4.	41	c3.	Nb3.
2	Nf3.	Nc6.	22	Qxg4.	Bf8.	42	Re1	Nd2+
3	Bt4	Be7.	23	Kg2.	Rf4	43	Ka1	Nf3.
4	d3.	Nf6.	24	Qe2.	Ng5.	44	Rf1	Nc5.
5	Nc3.	0-0	25	Nh5	Rh4.	45	d4	Nc4.
6	0-0.	d6.	26	Ngx3.	Nxh3.	46	Nxe3	fxe3.
7	h3.	h6.	27	Qf3.	Qxf3	47	Rf8+.	Kg7
8	Be3.	Na5.	28	Kxf3.	Nf4	48	Rc8.	ee.
9	Bb3.	Nxb3.	29	Nh5+	h6	49		
10	axb3.	a6.	30	Kd6	Ng7.	50		
11	Ne2.	Nh7.	31	fx.	exf4.	51		
12	Ng3.	f5.	32	Ne4	cg	52		
13	exf5.	Bxf5.	33	Kd4.	Ne6.	53		
14	Qd2.	Bxh3.	34	Kc3.	d5.	54		
15	gxh3.	Rxf3.	35	Nf2	Bg7+.	55		
16	Bxb6.	gxh6.	36	Kcd2.	Bxb2.	56		
17	Qxh6.	Qf8.	37	b4.	Bd4.	57		
18	Qe6+.	Kh8.	38	Na1	Rh2+	58		
19	Ra4.	Qf7.	39	Kc1.	Be3+.	59		
20	Qcd7.	Rg8.	40	Kb1	Ncd4.	60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
						